

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS-ST
Ngày: 11-5-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Ứng.

Ông Võ Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thiên L, sinh năm 1943 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Tiến V, sinh năm 1975 (Có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị Bùi Thị Thanh H, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Thiên L trình bày:

Vào ngày 13/11/2018, ông L có cho vợ chồng anh Nguyễn Tiến V và chị Bùi Thị Thanh H vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay 12 tháng. Khi vay, chị H có viết biên nhận, chị H, anh V và ông L cùng ký tên vào biên nhận này. Bản chính biên nhận do ông L giữ. Ngay khi viết biên nhận, ông L có giao cho anh V, chị H số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi vay tiền, anh V và chị H có trả được cho ông L 03 tháng tiền lãi với số tiền 6.000.000 đồng thì ngưng không trả lãi nữa. Đến hạn, ông L yêu cầu nhưng anh chị vẫn không trả nợ gốc cho ông.

Do đó, nay ông L khởi kiện yêu cầu anh V, chị H phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi, đồng thời ông L không đồng ý cho anh V, chị H trả dần.

Ngoài ra, ông L không có yêu cầu gì khác.

Theo biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Tiến V trình bày:

Anh V thừa nhận anh và vợ anh là chị Bùi Thị Thanh H có vay của ông L số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 13/11/2018. Mục đích vay tiền để phục vụ công việc nuôi tôm trong gia đình. Tuy nhiên, số tiền này do anh V nhận trực tiếp từ ông L. Chị H viết biên nhận, sau đó anh V, chị H và ông L cùng ký tên vào biên nhận này. Bản chính biên nhận do ông L cất giữ. Khi vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất 4%/tháng và thời hạn vay là 12 tháng. Sau khi vay, anh V, chị H có trả lãi cho ông L được 05 tháng, trong đó 04 tháng đầu trả được 8.000.000 đồng, tháng thứ năm trả được 2.500.000 đồng, tổng cộng tiền lãi đã trả được là 10.500.000 đồng. Tuy nhiên anh V không có ý kiến gì đối với số tiền lãi đã trả. Riêng nợ gốc thì chưa trả được cho ông L.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông L, anh V đồng ý cùng chị H trả cho ông L số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần bằng cách mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Ngoài ra, anh V không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Bùi Thị Thanh H có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, theo bản tự khai ngày 25/02/2020, chị H trình bày:

Chị H không biết việc vay tiền giữa ông L và anh V, việc ông L đưa tiền cho anh V, chị H cũng không hay biết. Tuy nhiên, chị H thừa nhận có làm giấy tay vay tiền của ông L số tiền 50.000.000 đồng. Đồng thời, chị H đồng ý cùng anh V trả cho ông L số tiền đã vay, bằng cách mỗi tháng trả 1.000.000 đồng.

Ngoài ra, chị H không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, ông L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh V giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Chị H có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc anh V và chị H liên đới trả cho ông L số tiền 50.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Ông L không yêu cầu trả lãi nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn chị Bùi Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thiên L yêu cầu anh Nguyễn Tiến V và chị Bùi Thị Thanh H trả số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông L đã cung cấp cho Tòa án 01 bản chính Biên nhận ngày 13/11/2018. Nội dung biên nhận thể hiện số tiền vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 4%/tháng. Anh V, chị H thống nhất có làm giấy tay vay của ông L số tiền 50.000.000 đồng, đồng thời anh chị thừa nhận có ký tên vào biên nhận mà ông L cung cấp. Anh V xác định chưa thanh toán toàn bộ nợ gốc cho ông L dù thời hạn vay đã hết. Hội đồng xét xử xác định giao dịch vay tiền giữa các bên là có thật. Mặc dù, chị H trình bày không trực tiếp nhận tiền từ ông L nhưng chị H đồng ý cùng anh V trả số tiền còn nợ cho ông L. Mặt khác, anh V trình bày mục đích vay tiền để phục vụ cho công việc nuôi tôm trong gia đình. Do đó, ông L yêu cầu anh V, chị H cùng trả số tiền 50.000.000 đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 288, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Ông L và anh V đều thống nhất lãi suất hai bên thỏa thuận khi vay tiền là 4%/tháng. Ông L cho rằng anh V, chị H trả được 03 tháng tiền lãi với số tiền 6.000.000 đồng. Anh V trình bày anh và chị H đã trả được cho ông L 05 tháng tiền lãi là 10.500.000 đồng. Xét thấy lãi suất các bên thỏa thuận cao hơn mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, anh V, chị H không trả lãi hết toàn bộ thời hạn vay đồng thời không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã trả. Mặt khác, ông L không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Anh V, chị H yêu cầu được trả dần số nợ bằng cách trả mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng không được ông L đồng ý.

Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận. Mặt khác, theo thỏa thuận của hợp đồng vay, anh V, chị H có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông L vào ngày 13/11/2019, tuy nhiên anh chị không thực hiện và kéo dài cho đến nay. Việc anh V, chị H chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền do đó không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận nên anh V, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, chị H là cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 288, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thiên L.

Buộc anh Nguyễn Tiến V và chị Bùi Thị Thanh H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Thiên L số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Anh Nguyễn Tiến V phải nộp 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Bùi Thị Thanh H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm